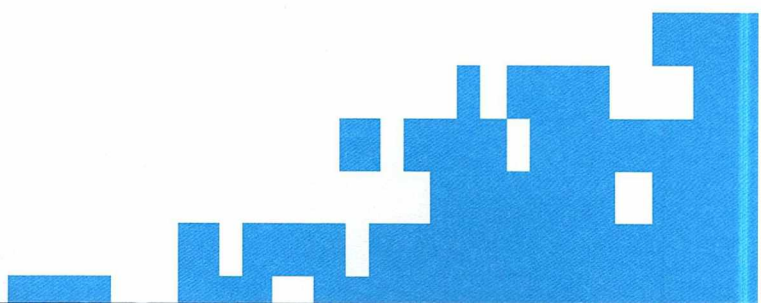




**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 42

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Thái	Phó chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận
Ông Trần Quang Thục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hồng Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Đặng Thị Hằng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tài chính Tập đoàn trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hầu Văn Huân	Giám đốc tài chính

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Cao Quang	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/01/2025
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nam Đồng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Cao Quang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Số: HH /2025/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		311.061.085.428	252.234.300.448
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	34.589.764.503	50.151.450.136
1. Tiền	111		19.589.764.503	35.151.450.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.250.132.291	113.241.177.053
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	98.583.197.072	78.415.414.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	62.458.420.310	21.389.364.854
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	67.128.376.129	36.694.995.810
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(23.919.861.220)	(23.258.597.657)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	72.221.188.634	88.755.002.354
1. Hàng tồn kho	141		73.771.993.503	90.305.807.223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	86.670.905
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	86.670.905
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		602.544.100.139	545.234.454.174
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.210.374.060	3.202.601.466
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.210.374.060	3.202.601.466
II. Tài sản cố định	220		301.370.222.783	263.582.078.308
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	294.721.967.715	256.833.168.608
Nguyên giá	222		781.048.032.121	710.773.465.705
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(486.326.064.406)	(453.940.297.097)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.648.255.068	6.748.909.700
Nguyên giá	228		12.052.846.299	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.404.591.231)	(5.303.936.599)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		172.007.371.084	161.329.901.389
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	172.007.371.084	161.329.901.389
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		108.222.640.000	99.230.556.167
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	108.222.640.000	99.230.556.167
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.733.492.212	17.889.316.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	17.733.492.212	17.889.316.844
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		913.605.185.567	797.468.754.622

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		286.063.799.668	240.845.890.399
I. Nợ ngắn hạn	310		208.063.799.668	156.845.890.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	58.198.148.822	32.909.330.261
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	20.354.525.190	13.657.620.316
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	14.312.280.147	5.857.508.836
4. Phải trả người lao động	314		43.354.087.393	27.628.788.290
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	2.339.061.779	1.480.976.987
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	1.863.555.995	875.708.473
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	67.124.350.528	73.918.167.422
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
II. Nợ dài hạn	330		78.000.000.000	84.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	78.000.000.000	84.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		627.541.385.899	556.622.864.223
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	627.541.385.899	556.622.864.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.393.221.210	47.393.221.210
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180.148.164.689	109.229.643.013
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		99.229.643.013	72.169.480.889
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		80.918.521.676	37.060.162.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		913.605.185.567	797.468.754.622

Phê duyệt

Người lập



Lê Cao Quang
Tổng Giám đốc

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	511.400.433.659	375.137.904.014
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		511.400.433.659	375.137.904.014
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	392.542.834.236	289.587.328.388
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.857.599.423	85.550.575.626
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	34.894.041.275	4.589.677.030
6. Chi phí tài chính	22	4.23	2.933.237.389	3.120.922.862
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.931.424.231	2.921.885.528
7. Chi phí bán hàng	25	4.24	3.096.311.067	3.146.250.410
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	54.868.615.975	28.270.754.700
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.853.476.267	55.602.324.684
10. Thu nhập khác	31	4.26	4.603.259.665	103.604.375
11. Chi phí khác	32	4.27	4.640.034.871	667.725.321
12. Lợi nhuận khác	40		(36.775.206)	(564.120.946)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.816.701.061	55.038.203.738
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	11.898.179.385	10.788.454.802
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.918.521.676	44.249.748.936

Phê duyệt

Lê Cao Quang
Tổng Giám đốc

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		92.816.701.061	55.038.203.738
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	33.204.714.577	32.165.835.987
Các khoản dự phòng	03		661.263.563	(713.520.209)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.762.962)	41.473.930
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(35.041.172.827)	(4.566.514.110)
Chi phí lãi vay	06		2.931.424.231	2.921.885.528
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		94.567.167.643	84.887.364.864
(Tăng) các khoản phải thu	09		(29.447.127.917)	(27.803.893.175)
Giảm hàng tồn kho	10		16.533.813.720	16.567.575.490
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46.326.132.977	(19.905.479.788)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		155.824.632	500.517.335
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.721.426.970)	(3.060.282.638)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(7.738.377.847)	(10.551.184.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.676.006.238	40.634.617.972
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(122.214.651.455)	(32.321.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27.777.777	46.296.296
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.992.083.833)	(4.990.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.728.851.095	3.226.166.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.450.106.416)	(34.039.137.459)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	96.124.350.528	41.743.801.981
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(108.918.167.422)	(40.378.988.915)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.18.1	(10.000.000.000)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.793.816.894)	(28.635.186.934)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(15.567.917.072)	(22.039.706.421)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.151.450.136	63.029.302.488
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.231.439	(34.442.681)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	34.589.764.503	40.955.153.386

Phê duyệt



Lê Cao Quang
Tổng Giám đốc

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 04 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với Mã chứng khoán là LBM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 400.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	259.603.440.000	64,90	259.603.440.000	64,90
Các cổ đông khác	140.396.560.000	35,10	140.396.560.000	35,10
Cộng	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 522 (01 tháng 01 năm 2025 là: 601).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngành bất động sản và xây dựng phát triển hoạt động kinh doanh khả quan hơn so với 6 tháng đầu năm 2024, đồng thời, Công ty đã được cấp phép khai thác trữ lại khoáng sản một số mỏ ở Lâm Đồng làm cho sản lượng tiêu thụ bê tông của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2025 tăng 22% so với kỳ trước. Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm, Công ty có mở rộng mỏ đá ở Ninh Thuận, dẫn đến sản lượng bán hàng tăng đáng kể. Các yếu tố này đã đưa đến kết quả là doanh thu của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2025 tăng 36% so với kỳ trước.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Số 14, Hiệp Thành 1, xã Gia Hiệp, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	94,39%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Số 368, ấp Phú Hợp B, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Kinh doanh ống sứ chịu nhiệt, bột Samốt, các sản phẩm sau nung và cao lanh.	Quốc Lộ 20, thôn Trung Hiệp, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Kinh doanh gạch xây dựng và ngói các loại.	Số 12 Trần Bình Trọng, xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Kinh doanh cao lanh	Tổ 6B, phường 3 – Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 1	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 2	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu	Vận chuyển nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	314.527.840	255.482.278
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.275.236.663	34.895.967.858
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	34.589.764.503	50.151.450.136

(*) Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 3,1% đến 4,0%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	20.403.640.000	(*)	-	20.403.640.000	(*)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	52.800.000.000	(*)	-	52.800.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	19.000.000	(*)	-	15.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	30.000.000.000	(*)	-	21.011.916.167	(*)	-
Cộng	108.222.640.000		-	99.230.556.167		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	30.865.243.085	22.034.395.436
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Công ty TNHH Tập Đoàn Xây Dựng Delta	7.379.088.000	-
Các khách hàng khác (*)	51.536.302.932	47.578.455.555
Cộng	98.583.197.072	78.415.414.046

(*) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trần Đình Trọng (*)	37.000.000.000	-
Nguyễn Viết Lương (**)	8.195.416.799	8.195.416.799
Các nhà cung cấp khác (***)	17.263.003.511	13.193.948.055
Cộng	62.458.420.310	21.389.364.854

(*) Là khoản đặt cọc để bảo đảm ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đảm bảo việc ký kết Văn bản thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong trường hợp Nhà nước giải tỏa, thu hồi đất đối với các Thửa đất số 7, 4, 12, 16, 3, 5, 13, 14, 19, 2 Tờ bản đồ số 47 (2022), 47 (2021), 33 (2022), 65 (2022) tọa lạc tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 09 tháng 05 năm 2025.

(**) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên, do chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nên khoản trả trước không biến động giữa 2 năm.

(***) Tại ngày 30/06/2025, các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	25.259.493.996	-	11.119.950.041	-
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	18.301.852.000	-	17.992.819.000	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	8.064.969.539	-	2.001.619.815	-
Phải thu khác về ký quỹ dự án (*)	10.443.424.918	-	-	-
Phải thu khác	632.761.810	(78.067.618)	1.154.733.088	(78.067.618)
Cộng	67.128.376.129	(4.503.941.484)	36.694.995.810	(4.503.941.484)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.210.374.060	-	3.202.601.466	-

(*) Là các khoản ký quỹ dự án mở cát xây dựng tại thôn Xinh Tranh, thôn Phúc Thọ, tỉnh Lâm Đồng; dự án mở đá xây dựng tại thôn Gắn Reo, Hiệp Thành, Lâm Đồng và dự án mở đá xây dựng tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	24.945.949.534	5.530.029.798	21.492.507.734	2.737.851.561
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.503.941.484	-	4.503.941.484	-
Cộng	29.449.891.018	5.530.029.798	25.996.449.218	2.737.851.561

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	20.647.327.963	5.530.029.798	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	17.193.886.163	2.737.851.561	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	29.449.891.018	5.530.029.798		25.996.449.218	2.737.851.561	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.926.909.444	-	71.946.753.909	-
Công cụ, dụng cụ	947.121.283	-	1.030.672.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.092.075.109	-	4.212.539.223	-
Thành phẩm	18.876.633.914	(835.242.862)	11.624.195.806	(835.242.862)
Hàng hóa	929.253.753	(715.562.007)	1.491.645.823	(715.562.007)
Cộng	73.771.993.503	(1.550.804.869)	90.305.807.223	(1.550.804.869)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mua đất tại xã Liên Hiệp - Đức Trọng - Lâm Đồng	130.930.026.000	130.859.874.000
Tiền mua đất tại xã Ninh Gia - Đức Trọng - Lâm Đồng	22.178.542.000	17.718.525.000
Tiền mua đất tại Đạ Hoai - Lâm Đồng	5.653.800.000	-
Tiền mua đất tại Tân Phú - Đồng Nai	4.645.250.000	4.512.000.000
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	3.874.410.560	3.874.410.560
Dự án Đạ Hoai	1.119.571.121	-
Trạm trộn đại Lào	1.209.275.534	-
San lấp mặt bằng phía sau nhà xưởng thuộc Dự án Hiệp An	917.876.197	917.876.197
Tiền mua đất tại xã Đại Lào - Bảo Lộc- Lâm Đồng	732.600.000	732.600.000
Dự án xây dựng nhà máy chế biến cao lanh Xuân Thọ	606.298.182	606.298.182
Tiền mua đất tại Nthol Hạ - Đức Trọng - Lâm Đồng	139.721.490	139.721.490
Trạm Lộc Sơn	-	1.598.484.849
Đường dây bọc trung thế 3 pha 22KV và trạm biến áp thuộc Dự án Di Linh	-	145.000.000
Chi phí khác	-	225.111.111
Cộng	172.007.371.084	161.329.901.389

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2025	86.412.858.870	328.475.780.365	292.733.644.898	2.314.161.814	520.611.939	316.407.819	710.773.465.705
Mua trong kỳ	-	13.518.685.555	57.381.173.497	93.000.000	-	-	70.992.859.052
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(718.292.636)	-	-	-	(718.292.636)
Tại ngày 30/06/2025	86.412.858.870	341.994.465.920	349.396.525.759	2.407.161.814	520.611.939	316.407.819	781.048.032.121
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2025	58.697.955.012	199.802.974.593	192.908.301.381	1.694.046.353	520.611.939	316.407.819	453.940.297.097
Khấu hao trong kỳ	3.058.353.311	12.747.251.114	17.123.615.816	174.839.704	-	-	33.104.059.945
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(718.292.636)	-	-	-	(718.292.636)
Tại ngày 30/06/2025	61.756.308.323	212.550.225.707	209.313.624.561	1.868.886.057	520.611.939	316.407.819	486.326.064.406
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2025	27.714.903.858	128.672.805.772	99.825.343.517	620.115.461	-	-	256.833.168.608
Tại ngày 30/06/2025	24.656.550.547	129.444.240.213	140.082.901.198	538.275.757	-	-	294.721.967.715

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình là 105.911.087.722 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 262.040.872.183 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Tại ngày 30/06/2025	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	2.338.341.501	2.528.795.098	436.800.000	5.303.936.599
Khấu hao trong kỳ	100.654.632	-	-	100.654.632
Tại ngày 30/06/2025	2.438.996.133	2.528.795.098	436.800.000	5.404.591.231
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	6.748.909.700	-	-	6.748.909.700
Tại ngày 30/06/2025	6.648.255.068	-	-	6.648.255.068

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 6.134.244.068 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Quyền khai thác (*)	14.223.951.010	14.681.164.423
Chi phí bốc tải phở Ninh Thuận	853.527.319	1.732.586.881
Chi phí lắp đặt hệ nghiền Ninh Thuận	1.303.559.400	1.466.504.325
Chi phí khác	1.352.454.483	9.061.215
Cộng	17.733.492.212	17.889.316.844

(*) Quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	12.732.505.132	13.209.729.982
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.491.445.878	1.427.335.441
Quyền khai thác mỏ Tutra	-	44.099.000
Cộng	14.223.951.010	14.681.164.423

Đây là các quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ được phân bổ trong 10 - 23 năm đã được cấp phép bởi UBND tỉnh Lâm Đồng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	25.859.842.100	25.859.842.100	6.156.474.720	6.156.474.720
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ Phần Phát Triển Thương Mại Toàn Khoa	10.155.310.800	10.155.310.800	3.027.978.879	3.027.978.879
Công ty Cổ Phần Silkroad Vina	3.396.030.000	3.396.030.000	825.000.000	825.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	18.786.965.922	18.786.965.922	22.899.876.662	22.899.876.662
Cộng	58.198.148.822	58.198.148.822	32.909.330.261	32.909.330.261

(*) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ Phần Tài Phước (*)	15.500.000.000	10.000.000.000
Các khách hàng khác (**)	4.854.525.190	3.657.620.316
Cộng	20.354.525.190	13.657.620.316

(*) Đây là khoản ứng trước tiền mua đất của Công ty Cổ phần Tài Phước theo Hợp đồng ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các lô đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng.

(**) Tại ngày 30/06/2025, mỗi khoản khách hàng khác trả tiền trước có số dư nhỏ hơn 10% tổng số người mua trả tiền trước ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	441.832.463	12.350.346.596	11.042.993.393	-	1.749.185.666
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	107.772.876	107.772.876	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.991.331.825	7.738.377.847	11.898.179.385	-	3.831.530.287
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.565.296.076	1.365.296.076	-	200.000.000
Thuế tài nguyên	-	959.221.529	6.422.940.370	7.468.832.804	86.670.905	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.643.074.430	64.237.390	4.640.067.487	-	67.244.333
Các loại thuế khác	-	276.819.900	1.508.580.980	1.775.852.330	-	9.548.550
Cộng	-	14.312.280.147	29.757.552.135	38.298.994.351	86.670.905	5.857.508.836

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.396.578.873	1.388.806.279
Trích trước chi phí vật tư	569.675.252	92.170.708
Trích trước chi phí đập đá Đại Lào	372.807.654	-
Cộng	2.339.061.779	1.480.976.987

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	326.102.271	253.351.883
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.537.453.724	622.356.590
Cộng	1.863.555.995	875.708.473

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay từ các bên liên quan	-	-	41.000.000.000	56.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	55.124.350.528	55.124.350.528	55.124.350.528	39.672.458.152	39.672.458.152	39.672.458.152
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	7.245.709.270	7.245.709.270	7.245.709.270
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	12.000.000.000	12.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	67.124.350.528	67.124.350.528	102.124.350.528	108.918.167.422	73.918.167.422	73.918.167.422
Dài hạn:						
Vay từ các bên liên quan						
- Xem thêm Mục 4.32	57.000.000.000	57.000.000.000	-	-	57.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.000.000.000	21.000.000.000	-	6.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Cộng	78.000.000.000	78.000.000.000	-	6.000.000.000	84.000.000.000	84.000.000.000
Tổng cộng	145.124.350.528	145.124.350.528	102.124.350.528	114.918.167.422	157.918.167.422	157.918.167.422

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết khoản vay như sau:

▪ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 07 tháng.
Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 5,3%/năm.
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

▪ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

Hạn mức vay: 95.000.000.000 VND.
Thời hạn vay: 60 tháng.
Lãi suất: 9.3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
Mục đích vay: Hoàn vốn tự có đối với các chi phí Công ty đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo bao gồm: Các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBĐ ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.9 và 4.10.

Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.

Máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND; 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.

Phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng tại các kho được mô tả trong Bảng Tổng hợp tồn kho thời điểm ngày 30/09/2024 của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/590344/HĐBĐ ngày 15/12/2023 với giá trị định giá là 93.976.595.309 VND.

Toàn bộ Khoản phải thu của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng theo Bảng tổng hợp phải thu khách hàng TK 131 đến thời điểm 30/09/2024 của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2023/590344/HĐBĐ ngày 15/12/2023 với giá trị định giá là 78.254.256.396 VND.

4.18. Vốn chủ sở hữu**4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	200.000.000.000	247.393.221.210	102.169.480.889	549.562.702.099
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	44.249.748.936	44.249.748.936
Chia cổ tức từ lợi nhuận Năm 2023	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	200.000.000.000	247.393.221.210	116.419.229.825	563.812.451.035
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	32.810.413.188	32.810.413.188
Chia cổ tức từ lợi nhuận Năm 2024	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	400.000.000.000	47.393.221.210	109.229.643.013	556.622.864.223
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	80.918.521.676	80.918.521.676
Chia cổ tức từ lợi nhuận Năm 2024	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2025	400.000.000.000	47.393.221.210	180.148.164.689	627.541.385.899

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	259.603.440.000	259.603.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	140.396.560.000	140.396.560.000
Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(10.000.000.000)	(30.000.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	47.393.221.210
Tại ngày 30/06/2025	47.393.221.210

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
USD	7.886,52	12.438,33
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán bentonite và doanh thu khác	7.313.408.258	4.265.955.389
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	16.526.834.891	17.195.720.655
Doanh thu gạch	43.543.531.085	38.106.979.058
Doanh thu cao lanh	8.122.460.396	7.322.664.084
Doanh thu bê tông	435.894.199.029	308.246.584.828
Cộng	511.400.433.659	375.137.904.014
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	69.023.548.986	15.194.297.906

Nguyên nhân doanh thu kỳ này tăng so với kỳ trước được thuyết minh tại Mục 1.4.

4.21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bentonite và giá vốn khác	5.545.039.077	3.255.467.848
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	13.231.856.514	12.002.502.113
Giá vốn gạch	34.144.780.126	27.137.543.338
Giá vốn cao lanh	5.664.162.973	4.675.908.076
Giá vốn bê tông	333.956.995.546	242.515.907.013
Cộng	392.542.834.236	289.587.328.388

Nguyên nhân giá vốn kỳ này tăng so với kỳ trước do doanh thu tăng như được thuyết minh tại Mục 1.4.

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 4.32	34.726.856.570	4.267.351.569
Lãi tiền gửi	141.538.480	252.866.245
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.646.225	69.459.216
Cộng	34.894.041.275	4.589.677.030

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.355.016.011	1.794.463.884
Chi phí sử dụng vốn từ bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	730.849.315	795.839.452
Chi phí lãi vay từ bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	845.558.905	331.582.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.813.158	197.590.418
Chi phí tài chính khác	-	1.446.916
Cộng	2.933.237.389	3.120.922.862

4.24. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	192.538.315	140.752.718
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	633.669.863	691.679.130
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	198.099.997	217.701.893
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.720.450	14.766.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.655.385	94.073.800
Chi phí quà tặng khách hàng	1.372.896.449	1.714.227.452
Chi phí bằng tiền khác	485.730.608	273.048.751
Cộng	3.096.311.067	3.146.250.410

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.402.485.665	28.838.677.834
Hoàn nhập quỹ lương	(3.437.149.712)	(11.942.633.680)
Chi phí vật liệu quản lý	645.489.918	1.182.515.367
Chi phí đồ dùng văn phòng	903.766.068	474.760.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.450.215.321	3.352.345.929
Thuế, phí và lệ phí	815.658.426	827.902.180
Chi phí dự phòng	412.758.239	(713.520.209)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.626.617.963	832.230.671
Chi phí bằng tiền khác	5.048.774.087	5.418.476.031
Cộng	54.868.615.975	28.270.754.700

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với kỳ trước chủ yếu là tăng chi phí nhân viên, do quỹ tiền lương được trích theo doanh thu của Tập đoàn. Doanh thu kỳ này tăng dẫn đến tiền lương tăng làm cho chi phí nhân viên cũng tăng theo.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	145.000.000	-
Thu nhập từ bán trạm trộn cho bên liên quan - Xem thêm mục 4.32	4.351.851.852	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.777.777	46.296.296
Xử lý công nợ	1.963.370	10.207.872
Nhập kho lại nguyên vật liệu do kiểm kê	-	24.692.800
Thu nhập khác	76.666.666	22.407.407
Cộng	4.603.259.665	103.604.375

4.27. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí từ bán trạm trộn cho bên liên quan	4.351.851.852	-
Các khoản ủng hộ	163.000.000	36.000.000
Hỗ trợ đền bù	66.000.000	-
Các khoản bị phạt	2.126.326	3.562.725
Xử lý công nợ	-	90.000.000
Các khoản chi phí khác	33.690.641	213.050.792
Cộng	4.640.034.871	667.725.321

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246.123.999.322	175.215.245.602
Chi phí nhân công	89.077.235.473	52.713.293.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.204.714.577	32.165.835.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.673.891.422	30.412.446.853
Chi phí khác bằng tiền	27.997.502.408	13.246.282.821
Cộng	456.077.343.202	303.753.105.026

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	92.816.701.061	55.038.203.738
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	786.048.880	1.197.843.657
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(38.164.006.282)	(16.209.985.249)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	55.438.743.659	40.026.062.146
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	11.087.748.732	8.005.212.429
Điều chỉnh thuế của năm trước	810.430.653	2.783.242.373
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	11.898.179.385	10.788.454.802

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	96.124.350.528	41.743.801.981

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(108.918.167.422)	(40.378.988.915)

4.32. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|---|
| 1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng | Công ty mẹ |
| 2. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát | Công ty con |
| 3. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành | Công ty con |
| 4. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông | Công ty con |
| 5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú | Công ty con |
| 6. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn | Công ty con |
| 7. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 (*) | Công ty cùng tập đoàn |
| 8. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Ban Kiểm toán của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng | Nhân sự quản lý chủ chốt của công ty mẹ |
| 9. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ | Nhân sự quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(*) Công ty này đã không còn là bên liên quan kể từ ngày 07/03/2025. Do đó, thông tin về bên liên quan này trong báo cáo được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 07/03/2025.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	23.399.996.004	10.219.879.146
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	3.104.910.921	6.286.279.152
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.968.119.160	2.499.693.160
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.392.217.000	1.302.535.622
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	-	1.726.008.356
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	30.865.243.085	22.034.395.436

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	13.091.916.037	9.508.607.426
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	8.201.460.185	338.004.605
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	3.966.117.774	1.273.338.010
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	25.259.493.996	11.119.950.041

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến (a)	8.440.000.000	8.440.000.000
Ông Lê Nam Đồng - Kế toán trưởng (b)	4.611.950.000	4.611.950.000
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con (c)	2.590.662.000	2.908.379.000
Ông Lê Thanh Hòa - Phó Tổng Giám đốc (d)	1.275.090.000	1.315.090.000
Ông Lê Đình Hiền - Chủ tịch HĐQT (e)	800.000.000	-
Ông Trần Văn Hiến - Phó Tổng Giám đốc (f)	460.000.000	460.000.000
Ông Lê Cao Quang - Tổng Giám đốc (g)	124.150.000	257.400.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	18.301.852.000	17.992.819.000

(a) Đây là khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh – Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 35, Tờ bản đồ số 34 và Thửa đất số 33, Tờ bản đồ số 35, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 16.000 m2, theo Hợp đồng ký kết ngày 21 tháng 07 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(b) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:

- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gàn Reo, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.100 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.563 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 212, Tờ bản đồ số 10, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.539 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 214, Tờ bản đồ số 10, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 282 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 409 m² theo theo bản liệt kê tọa độ góc ranh trong Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 10, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 5.036 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.439 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.671,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.

(c) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con liên quan đến việc mua những quyền sử dụng đất sau:

- Quyền sử dụng đất tại xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.901,4 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 15 tháng 03 năm 2024.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 225, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 6.920 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 04 năm 2024.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 335, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.407 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 23 tháng 04 năm 2024.
- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.945 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 23 tháng 04 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 227, Tờ bản đồ số 12, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.392 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 06 tháng 05 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.810,5 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 17 tháng 05 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 313, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.720 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 06 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.740,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 06 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 239, Tờ bản đồ số 12, thôn Kinh Tế Mới, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.294 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 3.222,9 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 07 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 8.751,6 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 12 tháng 07 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.876,3 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 10 tháng 09 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 11.704,9 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 10 tháng 09 năm 2024.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 6.131,1 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 01 năm 2025.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 416, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.165,9 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 01 năm 2025.
 - Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 417, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.906,8 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 01 năm 2025.
- (d) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.
- (e) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT liên quan đến việc tạm ứng để phục vụ mục đích kinh doanh.
- (f) Đây là khoản phải thu từ ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 3.990 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.
- (g) Đây là khoản tạm ứng cho ông Lê Cao Quang – Tổng giám đốc liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại phường 3 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 838 m², theo Hợp đồng ký kết ngày 20 tháng 03 năm 2024.

Các khoản tạm ứng đặt cọc mua đất nêu trên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	(16.012.046.756)	(2.502.950.671)
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	(5.331.951.501)	(886.737.500)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(4.098.609.613)	(2.723.471.481)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	(417.234.230)	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	-	(43.315.068)
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	(25.859.842.100)	(6.156.474.720)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vay dài hạn – Xem thêm Mục 4.17:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành (*)	(57.000.000.000)	(57.000.000.000)

(*) Đây là khoản mượn tiền từ Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành, công ty con, nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn với lãi suất 2,6%/năm theo Thỏa thuận số 01/2025/ LBM – HT ngày 02 tháng 01 năm 2025.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	49.519.297.962	166.969.006
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	16.480.116.858	6.312.463.253
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.325.443.241	3.401.259.297
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	2.884.427.000	5.974.434.930
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	543.320.000	-
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	308.926.000	570.898.800
Cộng	75.061.531.061	16.426.025.286

Trong đó:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 4.20

Thuế từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

69.023.548.986

15.194.297.906

6.037.982.075

1.231.727.380

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và sử dụng dịch vụ:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	24.310.547.684	5.720.874.442
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	13.219.041.816	11.312.617.060
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	4.445.214.001	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	417.234.230	29.592.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	-	118.027.122
Cộng	42.392.037.731	17.181.110.624
<i>Trong đó:</i>		
<i>Mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan chưa bao gồm thuế</i>	38.882.117.036	15.815.426.563
<i>Thuế từ mua hàng và sử dụng dịch vụ từ các bên liên quan</i>	3.509.920.695	1.365.684.061
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản cố định:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	159.500.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thanh lý tài sản cố định cho bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 4.26</i>	145.000.000	-
<i>Thuế từ thanh lý tài sản cố định cho bên liên quan</i>	14.500.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán trạm trộn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	4.700.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập từ bán trạm trộn cho bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 4.26</i>	4.351.851.852	-
<i>Thuế từ bán trạm trộn cho bên liên quan</i>	348.148.148	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản cố định:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	7.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Mua tài sản cố định từ bên liên quan chưa bao gồm thuế</i>	6.481.481.481	-
<i>Thuế từ mua tài sản cố định từ bên liên quan</i>	518.518.519	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	18.266.117.774	1.294.051.569
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	8.201.460.185	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	5.583.308.611	2.973.300.000
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.675.970.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.22	34.726.856.570	4.267.351.569
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay – Xem thêm Mục 4.23:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	845.558.905	331.582.192
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí sử dụng vốn – Xem thêm Mục 4.23:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	730.849.315	795.839.452

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi tạm ứng:		
Ông Hồ Tấn Dũng – Giám đốc công ty con	4.142.300.000	10.840.000.000
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	800.000.000	3.800.000.000
Ông Lê Cao Quang – Tổng Giám đốc	-	990.000.000
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến	-	20.000.000
Cộng	4.942.300.000	15.650.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua đất:		
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con	4.460.017.000	-
Ông Lê Cao Quang – Tổng Giám đốc	133.250.000	-
Cộng	4.593.267.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi hộ:		
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến	150.472.340	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.17:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	41.000.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	6.490.086.000	19.470.258.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Lộc Sơn	8.988.083.833	4.990.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên LBM Tân Phú	4.000.000	-
Cộng	8.992.083.833	4.990.000.000

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty có chi trả các khoản thù lao cho bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi lợi nhuận vượt kế hoạch:		
Ông Trần Việt Thắng - Thành viên HĐQT công ty mẹ	48.000.000	88.000.000
Ông Phan Công Ngôn - Thành viên HĐQT công ty mẹ	42.000.000	80.000.000
Bà Ngô Thu Hương - Thành viên HĐQT công ty mẹ	28.000.000	-
Bà Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát công ty mẹ	15.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên - Thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ	5.000.000	8.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ	5.000.000	8.000.000
Cộng	143.000.000	208.000.000

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiên – Chủ tịch HĐQT	1.036.000.000	1.314.392.636
Ông Nguyễn An Thái – Phó chủ tịch HĐQT	60.000.000	104.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	86.000.000	384.250.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	86.000.000	144.250.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	86.000.000	144.250.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	86.000.000	144.250.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	86.000.000	144.250.000
Cộng	1.526.000.000	2.379.642.636

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Cao Quang – Tổng Giám đốc	665.000.000	657.100.308
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	550.000.000	657.100.308
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	485.000.000	657.100.308
Ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng	376.284.400	658.100.308
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc	540.000.000	657.100.308
Cộng	2.616.284.400	3.286.501.540

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Phạm Hồng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát	58.000.000	67.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	46.000.000	75.500.000
Bà Đặng Thị Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	6.000.000
Cộng	140.000.000	148.500.000

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	227.758.000	332.750.000
Ông Trần Quang Thục – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	213.400.000	236.750.000
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	-	214.750.000
Cộng	441.158.000	784.250.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	60.300.300	180.900.900
Ông Lê Cao Quang – Tổng Giám đốc	57.695.400	152.993.700
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	48.212.500	121.125.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó Chủ tịch HĐQT	5.106.250	61.560.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	3.895.000	24652500
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	1.781.250	25.650.000
Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc	736.250	30352500
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	8.550	25.650
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	2.850	8.550
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	-	712.500
Cộng	177.738.350	597.981.300

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Phê duyệt**Lê Cao Quang**
Tổng Giám đốc**Người lập****Lê Nam Đồng**
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2025

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING



RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147Bis Hai Ba Trung Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Dich Vong Ward, Cau Giay District
Ha Noi, Vietnam

T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM Network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction.

The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug.